TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** Bản án số: 176/2026/HNGĐ-ST Ngày: 11-8-2026 "V/v Ly hôn"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Loan.

2. Bà Ngô Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Tiến Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Thu Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 775/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2026 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 189/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh S, sinh ngày 10-10-1969; Căn cước công dân số A; Địa chỉ: Tổ H, ấp V (Nay là ấp G), xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 18-4-1972; Căn cước công dân số B; Địa chỉ: Tổ H, ấp V (Nay là ấp G), xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông S, bà H có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh S, trình bày:

Sau một thời gian tìm hiểu, ông S và bà Nguyễn Thị Kim H mới đi đến hôn nhân. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng kí kết hôn

ngày 17-5-1995 tại Uỷ ban nhân dân (UBND) xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng ông chung sống hạnh phúc. Đến khoảng năm 2002 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, giữa vợ chồng không còn sự quan tâm, yêu thương nhau. Vì thương con, ông và bà H cũng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay, ông S nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Ông S xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim H.

Về con chung: Ông S và bà Nguyễn Thị Kim H có 04 người con chung là Nguyễn Phú H1, sinh ngày 05-3-1996, Nguyễn Gia H2, sinh ngày 04-11-2002, Nguyễn Việt H3, sinh ngày 23-11-2008 và Nguyễn Đức H4, sinh ngày 16-3-2014.

Hiện con chung Nguyễn Phú H1, Nguyễn Gia H2 đã thành niên, không bị mất năng lực hành vi hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình nên ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông S đồng ý để bà Nguyễn Thị Kim H được quyền nuôi dưỡng con chung Nguyễn Việt H3 và Nguyễn Đức H4, ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Thanh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Bà H và ông Nguyễn Thanh S là quan hệ vợ chồng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng kí kết hôn vào ngày 17-5-1995 tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Khoảng thời gian đầu, bà H và ông S chung sống hạnh phúc đến năm 2002 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung, cả hai không còn quan tâm, yêu thương nhau. Vì muốn giữ hạnh phúc gia đình và cũng vì các con nên bà H và ông S cũng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả.

Nay, bà H xét thấy tình cảm vợ chồng cũng không hàn gắn được nên bà đồng ý theo yêu cầu ly hôn của ông S. Tuy nhiên, bà là người theo đạo Công giáo nên không được ký vào biên bản thuận tình ly hôn mà đề nghị toà án giải quyết ly hôn đơn phương theo yêu cầu của ông S.

Về con chung: Bà thống nhất theo trình bày của ông S. Bà có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung Nguyễn Việt H3 và Nguyễn Đức H4 và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Việt H3, sinh ngày 23-11-2008 và Nguyễn Đức H4, sinh ngày 16-3-2014 cho bà H được quyền nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Ông S, bà H không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Ông S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm (DSST) đối với yêu cầu ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị Kim H sống chung với nhau có đăng ký kết hôn, nay ông S yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Nơi cư trú của bà Nguyễn Thị Kim H là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về hôn nhân: Hôn nhân giữa ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị Kim H trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 17-5-1995 tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông S, bà H chung sống hạnh phúc đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, giữa vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nên dần dần tình cảm không còn. Từ tháng 7/2024 vợ chồng ông S, bà H ly thân cho đến nay.

Trong thời gian này, ông S và bà H cũng không hàn gắn tình cảm vì thấy tình cảm không còn.

Tại phiên toà, bà H cũng xác nhận tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nhưng bà là người theo đạo Công giáo nên không đồng ý thuận tình ly hôn và đề nghị Toà án xét xử ly hôn theo yêu cầu của ông S.

Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa ông S và bà H ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho ông S được ly hôn với bà H.

[2.2]. Về nuôi con chung:

Ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị Kim H có 04 người con chung là Nguyễn Phú H1, sinh ngày 05-3-1996, Nguyễn Gia H2, sinh ngày 04-11-2002, Nguyễn Việt H3, sinh ngày 23-11-2008 và Nguyễn Đức H4, sinh ngày 16-3-2014.

Hiện con chung Nguyễn Phú H1, Nguyễn Gia H2 đã thành niên, không bị mất năng lực hành vi hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình; ông S và bà H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với con chung Nguyễn Việt H3 và Nguyễn Đức H4 thì ông S, bà H thoả thuận bà H là người được quyền nuôi dưỡng. Hiện con chung Nguyễn Việt H3 và Nguyễn Đức H4 đều đã trên 07 tuổi, đang sống chung với bà H và có nguyện vọng được sống với bà H. Do đó, xét về quyền lợi về mọi mặt của con chung thấy sự thoả thuận này của ông S, bà H là phù hợp nên căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao con chung Nguyễn Việt H3 và Nguyễn Đức H4 cho bà H được quyền nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Về chia tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị Kim H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Thanh S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị Kim H.

2. Về nuôi con chung:

Ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị Kim H có 04 người con chung là Nguyễn Phú H1, sinh ngày 05-3-1996, Nguyễn Gia H2, sinh ngày 04-11-2002, Nguyễn Việt H3, sinh ngày 23-11-2008 và Nguyễn Đức H4, sinh ngày 16-3-2014.

Hiện con chung Nguyễn Phú H1, Nguyễn Gia H2 đã thành niên, không bị mất năng lực hành vi hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình; ông S và bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Giao con chung Nguyễn Việt H3, sinh ngày 23-11-2008 và Nguyễn Đức H4, sinh ngày 16-3-2014 cho bà Nguyễn Thị Kim H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Kim H không yêu cầu ông Nguyễn Thanh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Thanh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị Kim H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Thanh S phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tại Thi hành án

Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000294 ngày 01 tháng 07 năm 2026; ông Nguyễn Thanh S đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 11-8-2026) để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV14 TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV14 TP. Hồ Chí Minh;
- UBND xã Bình Giã, TP. Hồ Chí Minh;
(GCNKH số 010/1995)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Thị Thanh Nga